

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN MỘT SỐ LOẠI LÂM SẢN NGOÀI GỖ Ở HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Lê Quang Vinh*, Hoàng Huy Tuấn, Nguyễn Duy Phong,
Hoàng Dương Xô Việt, Lê Thị Phương Thảo,

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

*Tác giả liên hệ: lequangvinh@huaf.edu.vn

Nhận bài: 07/10/2019 Hoàn thành phản biện: 23/12/2019 Chấp nhận bài: 05/01/2020

TÓM TẮT

Trên địa bàn huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế có nhiều chương trình, dự án và các mô hình trồng lâm sản ngoài gỗ (LSNG) của người dân đã góp phần không nhỏ cho việc phát triển LSNG của huyện. Tuy nhiên hiện nay chưa có đề tài nghiên cứu nào làm rõ thực trạng phát triển LSNG ở huyện A Lưới, do vậy đề tài đã tiến hành đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững LSNG ở huyện A Lưới. Từ việc thu thập các thông tin có liên quan, sử dụng các phương pháp điều tra xã hội học (thảo luận nhóm, điều tra hộ gia đình, phỏng vấn các bên liên quan) đánh giá sinh trưởng, phát triển và hiệu quả của các cây trồng trong các mô hình LSNG, nghiên cứu này đã chỉ ra rằng: Các mô hình trồng Mây nước, Bời lời đỏ, Đoác sinh trưởng và phát triển tốt; các mô hình trồng LSNG không những tạo công ăn việc làm (hàng trăm công lao động/ha), tăng thu nhập cho hộ gia đình (lãi ròng có thể lên đến 120 triệu đồng/ha/năm), mà còn góp phần bảo tồn đa dạng sinh học. Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn, nghiên cứu này cũng đã đề xuất được các giải pháp nhằm phát triển bền vững LSNG trên địa bàn.

Từ khóa: A Lưới, Hiệu quả, Lâm sản ngoài gỗ, Mô hình, Sinh trưởng

EVALUATION ON DEVELOPMENT OF SOME NON-TIMBER FOREST PRODUCTS IN A LUOI DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Le Quang Vinh, Hoang Huy Tuan, Nguyen Duy Phong,
Hoang Duong Xo Viet, Le Thi Phuong Thao,

University of Agriculture and Forestry, Hue University

ABSTRACT

Many programs, projects and models of Non-Timber Forest Products (NTFPs) implemented by local people/households in A Luoi district, Thua Thien Hue province, significantly contributing to the NTFPs' development. However, there have not been any research projects to clarify the actual situation of NTFPs' development yet. Therefore, this study was conducted to evaluate the current situation and propose solutions to the NTFPs' sustainable development. The study carried on collecting relevant information, using sociological survey methods (groups discussion, households survey, relevant stakeholder interviews), and investigating the growth and efficiency of NTFP models. The research results showed that NTFP planting models such as Rattan species (*Daemonorops poilanei* J. Dransf and *Daemonorops jenkinsiana* (Griff)), *Litsea glutinosa* (Lowr.) C.B.rob, *Arenga pinnata* (Wurmb) Merr have grown and developed well. NTFP planting models not only create jobs (hundreds working-days/ha) for local people, increase households income (net profit can be up to 120 millions VND/ha/year), but also contribute to biodiversity conservation. Based on the analysis of advantages and disadvantages, this study has also proposed solutions to NTFPs' sustainable development in the district.

Keywords: A Luoi, Effectiveness, Growth, Model, Non-Timber Forest Products

1. MỞ ĐẦU

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) có một vai trò to lớn cung cấp cho người dân những sản phẩm đa dạng phục vụ cho đời sống như: lương thực, thực phẩm, dược liệu, vật liệu

xây dựng (Cục Lâm nghiệp, 2007). Ngoài ra việc khai thác, mua bán các loại LSNG cũng mang lại việc làm và nâng cao thu nhập đáng kể cho người dân. Trong định hướng của ngành Lâm nghiệp đến năm 2020, lâm sản ngoài gỗ trở thành một phân

ngành sản xuất trong lâm nghiệp, đưa giá trị lâm sản ngoài gỗ xuất khẩu tăng bình quân 10-15% và đến năm 2020 đạt 700-800 triệu USD/năm, bằng 30-40% giá trị xuất khẩu gỗ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2006).

A Lưới là huyện vùng cao của tỉnh Thừa Thiên Huế, có diện tích tự nhiên 122.464 ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 86.647,16 ha (<https://aluoi.thuathienhue.gov.vn>). Cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở đây vẫn còn nhiều khó khăn nên các sản phẩm khai thác LSNG từ rừng đã góp phần nhiều trong giải quyết lương thực, thực phẩm và tăng thêm thu nhập cho người dân. Tuy nhiên việc khai thác tự phát quá mức đã khiến cho nguồn lâm sản ngoài gỗ bị suy giảm nhiều cả về số lượng lẫn chất lượng sản phẩm (Lê Quang Vĩnh và cs., 2017).

Trong tình hình thực tế hiện nay việc phát triển kinh tế bằng LSNG là một hướng đi mà các cấp chính quyền chú trọng nhằm cải thiện đời sống một bộ phận lớn người dân, đồng thời góp phần bảo tồn các loài lâm sản ngoài gỗ có giá trị. Trước tình hình đó chính quyền các cấp, các tổ chức phi chính phủ đã triển khai các chương trình, dự án trồng LSNG và nhiều gia đình trên địa bàn đã mạnh dạn phát triển các mô hình LSNG và bước đầu đã mang lại những hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên trong thời gian qua chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu khảo sát, đánh giá tình hình phát triển LSNG nói chung và các mô hình LSNG của dự án và người dân nói riêng làm cơ sở cho việc nhân rộng các mô hình. Vì vậy việc đánh giá được hiện trạng phát triển LSNG, phân tích làm rõ những thuận lợi và khó khăn (từ các mô hình và qua thử nghiệm) nhằm đề xuất giải pháp phát triển bền vững các mô hình lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế đang là vấn đề cấp thiết hiện nay.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

1) Điều tra tình hình phát triển một số loại lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới.

2) Đánh giá hiệu quả các mô hình lâm sản ngoài gỗ phát triển trên địa bàn.

3) Phân tích những thuận lợi, khó khăn về phát triển các mô hình lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới.

4) Đề xuất các giải pháp phát triển bền vững lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội từ các cơ quan chính quyền của huyện A Lưới và thu thập thông tin các mô hình LSNG từ các tổ chức, dự án lâm nghiệp, người dân, trên Internet và các cơ quan liên quan.

2.2.2. Thu thập số liệu sơ cấp và xử lý số liệu

- Sử dụng phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA) thông qua phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập thông tin đối với các đối tượng: Phòng vấn cán bộ các ban ngành về cách thức quản lý và phát triển LSNG; Phòng vấn cán bộ các xã (12 xã trồng LSNG), người dân (30 hộ) và cán bộ quản lý dự án LSNG về tình hình phát triển LSNG trên địa bàn.

- Lựa chọn các mô hình LSNG để nghiên cứu khả năng sinh trưởng và phát triển của LSNG:

+ Mô hình Mây nước: Chúng tôi tiến hành trên 3 xã đại diện (Hồng Trung, Hồng Kim, Hương Phong), lập 30 ô mẫu, mỗi ô mẫu lập 3 ÔTC diện tích 500 m² (20 m x 25 m) sau đó đo đếm các chỉ tiêu sinh trưởng của mây trong ÔTC: đường kính gốc (D₀), chiều dài vút ngọn (H_{vn}), số lá trên cây.

Riêng mô hình thử nghiệm chúng tôi tính thêm tỷ lệ sống. Để tính hiệu quả kinh tế của các mô hình Mây nước chúng tôi dựa vào các chỉ tiêu sau: Hệ số nhân giống của cây mây, cây khai thác phải có chiều dài thân $\geq 5,0$ m, số cây/ha (N) có khả năng khai thác và tính trữ lượng (M) cây khai thác trung bình (kg/ha) nhân với đơn giá (Lê Quang Vĩnh và Hoàng Công Phúc, 2014).

+ Mô hình Bời lời đỏ: Căn cứ vào diện tích trồng cụ thể qua các năm để lập tỷ lệ các ô mẫu cho phù hợp, mỗi ô mẫu lập 3 ÔTC diện tích $500m^2$ ($20m \times 25m$) cho mỗi độ tuổi để thu được các chỉ tiêu sinh trưởng trong mô hình. Tính trữ lượng vò/ha áp dụng theo công thức:

$$V_{vò/ha} = N \cdot V_{vò/cây}$$

Trong đó: $V_{vò/ha}$ là trữ lượng của vò Bời lời đỏ/ha (m^3/ha); N: mật độ trồng (cây/ha) và $V_{vò/cây}$ là thể tích vò/cây ($m^3/cây$). Thể tích vò/cây được tính theo công thức:

$$V_{vò/cây} = V_{cây} - V_{gỗ/cây}$$

Trong đó: $V_{vò}$: Thể tích của phần vò cây (m^3); $V_{cây}$: Thể tích thân cây đứng (m^3) và $V_{gỗ}$: Phần thể tích gỗ lõi sau khi đã tính trừ phần vò. Công thức tính

$$V_{gỗ} = [\pi \cdot (D_{1.3} - 2a)^2 / 4] \cdot H \cdot f$$

Trong đó a là độ dày của vò cây Bời lời đỏ (được trích dẫn bởi Lê Quang Vĩnh và cs., 2016). Trong qua trình điều tra, chúng tôi tính số cây thực tế trên các ÔTC, sau đó áp dụng các công thức nêu trên để tính trữ lượng vò.

+ Mô hình trồng cây Đoác: Do mô hình trồng Đoác ở các vườn hộ thường có diện tích nhỏ ($500-1.000 m^2$) nên chúng tôi lập 3 ô mẫu ở 3 vườn hộ, mỗi ô mẫu chỉ lập 1 ÔTC có diện tích $500 m^2$, đo đếm các chỉ tiêu sinh trưởng của tất cả các cây ($D_0, D_{1.3}$ m, số lá/cây, chiều cao vút ngọn). Thông qua các hộ gia đình, thu thập thông tin về số

lượng rượu thu được tính trên 1 ha theo công thức:

$$V_{dd MH} (L/ha) = V'_{dd cây TB} \times N$$

Trong đó: $V_{dd MH}$: thể tích dung dịch từ buồng trái của cây trong mô hình (L/ha), $V'_{dd cây TB}$: thể tích dung dịch từ buồng trái trung bình của cây trong mô hình (L/cây), N: mật độ (cây/ha) (Lê Quang Vĩnh và Hoàng Công Phúc, 2014).

- Phương pháp tính hiệu quả kinh tế của các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ: Sử dụng công thức: $NPV = BPV - CPV$, trong đó NPV là giá trị hiện tại thuần, BPV là giá trị hiện tại của thu nhập, CPV là giá trị hiện tại của chi phí; đồng thời tính tỷ lệ thu nhập trên chi phí: $BCR = BPV/CPV$ (Lê Quang Vĩnh, 2013). Để tiện so sánh, chúng tôi tính hiệu quả kinh tế cho cả chu kỳ, sau đó tính ra hàng năm (chia cho số năm của chu kỳ sản xuất).

Các số liệu điều tra, đo đếm được xử lý bằng phần mềm EXCEL 2010, đối với các mô hình LSNG khảo sát điều tra, chúng tôi tính giá trị trung bình (\bar{x}), độ lệch chuẩn (S), hệ số biến động (S%). Đối với mô hình thử nghiệm trồng Mây nước, chúng tôi tính thêm tiêu chuẩn t của Student để so sánh các chỉ tiêu sinh trưởng của mô hình thử nghiệm gồm công thức có bón phân và không bón phân.

2.2.3. Các phương pháp phân tích

- Phân tích hiệu quả xã hội: Thông qua các tiêu chí về giải quyết việc làm (số công lao động/ha/năm), mức độ tự lan rộng của các mô hình (số hộ tham gia/xã đại diện) và khả năng đáp ứng nhu cầu sản phẩm cho thị trường cao hay thấp (Lê Quang Vĩnh, 2013).

- Phân tích hiệu quả bảo vệ tài nguyên, môi trường: Thông qua các tiêu chí về khả năng che phủ đất (diện tích trồng cây LSNG/diện tích đất rừng thực tế), bảo tồn đa dạng sinh học (số loài LSNG gây trồng)

và cải thiện môi trường (khả năng hạn chế xói mòn đất, giữ nước, hấp thu khí cacbonic) (Lê Quang Vĩnh, 2013).

- Vận dụng phương pháp phân tích SWOT để phân tích những thuận lợi, khó khăn trong việc phát triển các mô hình LSNG làm cơ sở để đề xuất các giải pháp (<https://xuhuongtiepthi.com>).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Phát triển lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới

3.1.1. Các chương trình, dự án về phát triển lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới

* Tổng hợp một số kết quả về phát triển lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới

Huyện A Lưới được nhiều tổ chức quốc tế quan tâm và được hưởng các chính sách của nhà nước nhằm bảo tồn và phát triển LSNG:

- Dự án Mây bền vững do Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (WWF) triển khai từ năm 2009 cho đến nay: Tổ chức hai lớp tập huấn và hình thành một số nhóm sở thích mây từ cộng đồng dân cư, đồng thời trồng thí điểm mô hình Mây nước thành công tại xã Hương Nguyên với diện tích 20 ha và tiếp tục phối hợp lồng ghép với dự án 147 trồng Mây nước tại 20/21 xã thuộc huyện A Lưới.

- Dự án Hành lang bảo tồn đa dạng sinh học Tiểu vùng Mê Kông mở rộng - Giai đoạn 2 (BCC): Từ năm 2014 – 2017 đã hỗ trợ thực hiện trồng được 1.100 ha LSNG (Bảng 1). Trong đó năm 2014 và 2015 trồng được 540 ha Mây nước, năm 2016 và 2017 trồng được 504 ha Mây nước và 56 ha Ba kích (theo tỷ lệ 90% cây Mây nước và 10% cây Ba kích) cho 8 xã của huyện A Lưới.

Bảng 1. Kết quả trồng LSNG của dự án BCC từ năm 2014 – 2017 tại huyện A Lưới

Đơn vị tính: ha

Hạng mục	Hồng Kim	Hồng Trung	Hồng Vân	A Roàng	Hương Phong	Hương Lâm	Hồng Hạ	Hương Nguyên	Tổng
2014	17,5	17,5	17,5	17,5	17,5	17,5	17,5	17,5	140,0
2015	70,0	50,0	50,0	60,0	30,0	50,0	40,0	50,0	400,0
2016	50,0	60,0	60,0	0,0	40,0	60,0	50,0	40,0	360,0
2017	0,0	50,0	0,0	0,0	30,0	70,0	50,0	0,0	200,0
Tổng	137,5	177,5	127,5	77,5	117,5	197,5	157,5	107,5	1.100,0

Nguồn: Hạt Kiểm lâm A Lưới (2017)

- Chính sách hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo quyết định 147: Đã trồng được 800,77 ha Bời lời đỏ và Mây nước. Trong đó trồng tập trung được 328,46 ha Bời lời

đỏ và 220,20 ha Mây nước, trồng phân tán được 37,0 ha Bời lời đỏ và 215,11 ha Mây nước.

Bảng 2. Diện tích trồng các loại cây lâm sản ngoài gỗ thuộc dự án 147

Đơn vị tính: ha

Năm	Tầm vị tính: ha	Tầm vị tín			Phân tán		
		Bồi lồi	Mây	Tổng số	Mây	Bồi lồi	Tổng số
2010	130,20	130,20	0,00	130,20	0,00	0,00	0,00
2011	125,28	68,28	20,00	88,28	0,00	37,00	37,00
2012	84,48	84,48	0,00	84,48	0,00	0,00	0,00
2013	274,56	0,00	94,70	94,70	179,86	0,00	179,86
2014	111,75	0,00	83,50	83,50	28,25	0,00	28,25
2015	74,50	45,50	22,00	67,50	7,00	0,00	7,00
Tổng số	800,77	328,46	220,20	548,66	215,11	37,00	252,11

Nguồn: Ban quản lý rừng phòng hộ A Lưới (2017)

* Tình hình sinh trưởng của lâm sản ngoài gỗ ở các chương trình, dự án

* Mô hình trồng cây Mây nước

+ Mô hình thử nghiệm trồng Mây nước dưới tán rừng tự nhiên (đề tài nghiên cứu cấp Đại học Huế): Qua trao đổi, thảo luận với lãnh đạo chính quyền địa phương, kiểm lâm địa bàn, chúng tôi tiến hành mô hình thử nghiệm trồng cây Mây nước mờ (*Daemonorops poilanei* J.Dransf) dưới tán rừng tự nhiên ở hai xã Hồng Bắc và Hồng Thượng với quy mô mỗi mô hình 1,0 ha, độ tàn che khoảng 0,3 – 0,4. Do đất dốc nhiều và xấu nên chúng tôi bố trí mật độ trồng là

1650 hốc/ha (2 cây /hốc) với khoảng cách 2x3m và trồng vào đầu tháng 5 năm 2016. Việc trồng và chăm sóc cây Mây nước do các nhóm hộ tại 2 xã tiến hành theo đúng quy trình đề ra.

Qua theo dõi chúng tôi nhận thấy cả hai mô hình đều có tỷ lệ sống trên 95%. Về khả năng sinh trưởng (Bảng 3) cho thấy: Mây nước trồng ở hai xã đều sinh trưởng tốt dưới tán rừng. So sánh giữa cây Mây nước có bón phân và không bón phân (theo tiêu chuẩn t của Student) cho thấy có bón phân cây sinh trưởng tốt hơn.

Bảng 3. Tình hình sinh trưởng của Mây nước ở xã Hồng Thượng và Hồng Bắc

Chỉ tiêu	Khu vực bón phân			Khu vực không bón phân			Ghi chú
	Do (cm)	Hvn (m)	số lá	Do	Hvn (m)	số lá	
Xã Hồng Thượng							
\bar{x}	0,8	0,37	2,9	0,8	0,37	2,9	Đo ngày
S	0,1	0,05	0,6	0,1	0,05	0,6	19/5/2016
S%	11,6	13,2	20,9	11,6	13,2	20,9	
\bar{x}	1,5	0,45	4,3	1,3	0,42	4,0	Đo ngày
S	0,2	0,05	0,5	0,1	0,05	0,5	18/5/2017
S%	10,6	11,7	12,4	10,4	13,0	12,8	
Xã Hồng Bắc							
\bar{x}	0,8	0,36	2,8	0,8	0,36	2,8	Đo ngày
S	0,1	0,05	0,1	0,1	0,05	0,1	19/5/2016
S%	11,6	13,1	17,3	11,6	13,1	17,3	
\bar{x}	1,4	0,44	4,1	1,2	0,40	3,9	Đo ngày
S	0,2	0,05	0,5	0,2	0,05	0,5	18/5/2017
S%	12,4	12,0	12,1	13,0	11,7	13,4	

+ Các mô hình trồng cây Mây nước của các chương trình, dự án: Kết hợp theo dõi sinh trưởng của cây Mây nước ở các chương trình, dự án trồng những năm trước

đây, chúng tôi tiến hành đo đếm một số chỉ tiêu sinh trưởng của cây Mây nước trồng ở các xã Hồng Trung, Hồng Kim, Hương Phong của huyện A Lưới.

Bảng 4. Sinh trưởng của cây Mây nước ở các xã thuộc các chương trình, dự án

Xã	Dự án	Chỉ tiêu	D ₀ (cm)	H _{vn} (m)	Số lá	Ghi chú
Hồng Trung	Dự án BCC (trồng năm 2014)	\bar{x}	2,3	1,38	6,3	Đo tháng
		<i>S</i>	0,32	27,23	1,0	4/2017
		<i>S%</i>	13,9	19,7	15,9	
Hồng Kim	Dự án BCC (trồng năm 2014)	\bar{x}	2,7	1,30	6,2	Đo tháng
		<i>S</i>	0,5	0,3	1,1	5/2017
		<i>S%</i>	18,5	23,1	17,7	
Hương Phong	Chương trình 147 (trồng năm 2013)	\bar{x}	1,7	1,00	5,5	Đo tháng
		<i>S</i>	0,4	0,3	0,9	5/2017
		<i>S%</i>	25,0	30,0	16,4	

Cây giống Mây nước do các chương trình, dự án hỗ trợ có hai loại: Mây nước mỡ (*Daemonorops poilanei* J. Dransf), loại gai đỏ và Mây nước ghé (*Daemonorops jenkinsiana* (Griff)), loại gai màu đen. Qua khảo sát cho thấy sinh trưởng của Mây nước ở xã Hồng Trung và Hồng Kim (dự án BCC) khá đồng đều về chiều cao, đường kính gốc và số lượng lá, riêng Mây nước ở xã Hương Phong các chỉ tiêu thấp hơn (mặc dù trồng trước một năm). Nguyên nhân là do độ che phủ của rừng ở xã Hương Phong lớn, che bóng nhiều, nên phần lớn không đảm bảo được ánh sáng cho mây sinh trưởng nên độ biến động về các chỉ tiêu lớn.

* *Mô hình trồng Bời lời đỏ*: Khi tìm hiểu việc trồng Bời lời đỏ tại địa bàn huyện A Lưới, chúng tôi nhận thấy xã Hồng Thủy là xã có diện tích trồng Bời lời đỏ lớn nhất với diện tích 188 ha nhờ sự hỗ trợ của Dự án 147 (từ năm 2012 – 2016). Để làm rõ tình hình sinh trưởng của Bời lời đỏ ở các mô hình, chúng tôi đã tiến hành khảo sát mô hình trồng Bời lời đỏ xen sản ở hộ ông Nguyễn Hải Sơn ở thôn Ba Khê 1, xã Hồng Thủy, huyện A Lưới (diện tích 2,0 ha, mật độ trồng 2.000 cây/ha).

Bảng 5. Tình hình sinh trưởng của Bời lời đỏ trồng năm 2013

Chỉ tiêu	Do (cm)	D _{1,3} (cm)	H _{vn} (m)	Dt (m)	
\bar{x}	7,1	4,8	4,3	1,8	Đo ngày 28.8.2016
<i>S</i>	1,4	1,2	0,6	0,4	
<i>S%</i>	2,3	24,8	1,0	2,6	
\bar{x}	11,6	9,6	5,1	2,0	Đo ngày 27.8.2017
<i>S</i>	3,1	2,8	1,6	0,3	
<i>S%</i>	26,5	29,4	3,3	1,6	

Từ Bảng 5 cho thấy sinh trưởng của Bời lời đỏ có sự tăng trưởng rất rõ các chỉ tiêu về chiều cao vút ngọn (H_{vn}), đường kính gốc (Do), đường kính ngang ngực (D_{1,3}), đường kính tán (Dt) qua các năm. Qua theo dõi chúng tôi nhận thấy ở xã Hồng Thủy đất khá tốt và khí hậu phù hợp nên cây Bời lời đỏ sinh trưởng rất tốt, có thể phát triển rộng trên địa bàn nếu hiệu quả kinh tế cao.

3.1.2. Các mô hình tự phát trồng lâm sản ngoài gỗ của người dân

* *Mô hình trồng cây Đoác và cây Đùng đình*: Xã A Ngo và xã A Roàng thuộc huyện A Lưới có tập quán chế biến rượu trích từ dịch đường của buồng hoa chưa nở của cây Đoác (*Arenga pinnata*) và cây Đùng đình (*Caryota mitis*) qua lên men với một ít vỏ cây chuồn (một loài cây gỗ trong họ Bứa) gọi là rượu Tà vạt. Trước đây người dân thường hay vào rừng khai thác cây Đoác và cây Đùng đình để lấy rượu, nhưng nay các

loại cây này khan hiếm dần, bởi vậy một số hộ gia đình đã lấy cây con về trồng và phát triển trong vườn hộ của mình. Qua điều tra chúng tôi thấy xã A Ngo có số lượng hộ

trồng và phát triển rất mạnh mô hình này, còn xã A Roàng chủ yếu khai thác từ rừng tự nhiên.

Bảng 6. Diện tích trồng cây Đoác và cây Đùng đình ở xã A Ngo

Thôn	Số hộ	Diện tích (m ²)	Số cây	Số cây/ha
Diên Mai	4	4.500	45	100
A Ngo	3	2.232	117	524
Tà Roi	3	2.100	130	619
Pâr Nghi	2	600	60	1.000
Bình Sơn	1	500	150	3.000
<i>Tổng số</i>	<i>13</i>	<i>9.932</i>	<i>502</i>	<i>1.049</i>

Như vậy tổng diện tích trồng Đoác và Đùng đình ở xã A Ngo gần 1,0 ha. Qua khảo sát cho thấy các cây Đoác và cây Đùng đình trồng thuần trong vườn của các hộ với mật độ khác nhau (do các hộ gia đình tự thiết kế trồng, không có quy trình chung) đều sinh trưởng và phát triển tốt, sau 5 năm đã có thể lấy rượu. Hiện tại người dân đã tiến hành khai thác các cây trồng trong vườn qua nhiều năm sau khi trồng. Cây Đoác và cây Đùng đình khai thác lấy được nước làm rượu ngon lúc đã có buồng (ra quả) và trong 1 năm có thể lấy rượu trong khoảng thời gian 2 - 3 tháng (còn lại là thời gian để cây hồi phục).

** Mô hình trồng cây Cọ bầu:* Ở xã Hương Nguyên có nhiều hộ trồng cây Cọ bầu (*Livistona saribus*) trong vườn vừa làm cây cảnh vừa sử dụng lá để làm vật liệu trang trí, đặc biệt có hộ đưa về trồng thành vườn để sử dụng làm vật liệu để lợp nhà và bán. Lá Cọ bầu được mua dùng để lợp quán, nhà sàn, nhà rông. Qua tìm hiểu cho thấy mặc dù trồng Cọ bầu trong vườn rất tiện lợi khi sử dụng làm vật liệu và có thể bán tăng thêm nguồn thu, tuy nhiên nhiều người dân khi được hỏi cho biết họ chưa có ý định phát triển thành vườn vì Cọ bầu lâu ra lá nên nguồn thu nhập không cao so với trồng các loại cây trồng khác.

** Một số mô hình trồng lâm sản ngoài gỗ khác*

- Tr ra Lò Tr ra lá nên ngường lâm sản ngoài gỗ khác cói trồng các loại cây trồng khác.n thu, tuy nhiên nhiều người dân khi được hỏi cho biết họ chưa có ý định phát đờng thời sử dụng làm vật liệu đan lát hoặc làm phen che nhà cửa, làm hàng rào hoá nên ngường lâm sản ngoài gỗ khác cói Lòg rào hoá nên ngường lâm sản ngoài gỗ khác cói trồng các loại cây trồng khác.n thu, tuy nhiên nhiều người dân khi được hỏi cho biết họ c đình.- Trồng cây dược liệu: Mặc dù trong rừng có các loại cây dược liệu nhưng phải đi xa, không đáp ứng được nhu cầu trước mắt điều trị một số bệnh thông thường, do vậy nhiều hộ gia đình ở xã Hương Lâm, Hồng Hạ, Hồng Kim đã trồng một số cây dược liệu trong vườn như cây Nghệ, Gừng, Đinh lăng, Lá lốt, Diếp cá, cây Mật gấu... Đây là những mô hình nên phát triển để cung cấp cây dược liệu cho các hộ gia đình, cho thị trường, đờng thời giảm bớt việc vào rừng khai thác các cây dược liệu để chữa bệnh.

3.2. Hiệu quả của phát triển lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới

3.2.1. Hiệu quả về kinh tế

Chúng tôi tiến hành dự tính hiệu quả kinh tế của cây Mây nước, cây Bời lời đỏ và cây Đoác trên diện tích 1 ha từ các mô hình.

Bảng 7. Dự tính hiệu quả kinh tế hàng năm của một số loại lâm sản ngoài gỗ

Năm	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>			
	NPV	BPV	CPV	BCR
Cây Mây nước	6.399.605	9.663.150	3.263.545	3,0
Cây Bời lời đỏ	9.802.543	14.409.186	4.606.643	3,1
Cây Đoác	120.672.2	188.791.56	68.119.36	2,8

Qua Bảng 7 cho thấy: Đối với cây Mây nước có chu kỳ khoảng 20 năm cho lợi nhuận bình quân hàng năm là 6.399.600 đồng/ha/năm, tỷ lệ thu nhập/chi phí (BCR) là 3,0. Mặc dù lợi nhuận không cao nhưng để làm giàu rừng và phát triển về lâu dài cần phải tiến hành phát triển Mây nước dưới tán rừng. Về cây Bời lời đỏ có chu kỳ kinh doanh 7 năm cho thu nhập khá cao: bình quân lợi nhuận hàng năm là 9.802.543 đồng, tỷ lệ thu nhập/chi phí (BCR) là 3,1.

Đối với cây Đoác có chu kỳ 10 năm hiệu quả kinh tế rất cao, bình quân lợi nhuận hàng năm là 120.672.200 đồng, tỷ lệ thu nhập/chi phí (BCR) là 2,8. Hiện tại rượu Đoác và Đùng đình khai thác ra từ vườn trồng đều tiêu thụ được hết, tuy nhiên rượu lên men tự nhiên khó bảo quản, phải sử dụng ngay, do vậy nếu cung nhiều hơn cầu thì không có lãi, nên chỉ có một vài xã trồng và cung cấp cho toàn huyện.

3.2.2. Hiệu quả xã hội của các mô hình

Để xác định hiệu quả xã hội các mô hình LSNG, chúng tôi chọn 3 xã đại diện: Mô hình trồng Mây nước chọn xã Hồng Bắc, mô hình trồng Bời lời đỏ chọn xã Hồng Thủy, mô hình trồng Đoác chọn xã A Ngo. Để dễ so sánh, chúng tôi tính tất cả công lao động trong cả chu kỳ sau đó chia cho số năm của cả chu kỳ, từ đó cho thấy: Tạo nhiều công lao động nhất trong năm là mô hình trồng Đoác: 124 công/ha, tiếp đến là Bời lời đỏ: 36 công và thấp nhất là mô hình Mây nước (12 công). Về khả năng lan rộng của mô hình (số hộ tham gia) thì mô hình Mây nước nhiều nhất (250 hộ), tiếp đến là Bời lời đỏ (188 hộ) và thấp nhất là mô hình trồng Đoác và Đùng đình (13 hộ). Về sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường thì

Mây nước cao nhất, tiếp đến là Bời lời đỏ và thấp nhất là rượu Đoác.

Nhìn chung các mô hình đều có đáp ứng nhu cầu xã hội, tuy nhiên nếu xét ở khía cạnh đạt 3 tiêu chí thì mô hình Bời lời đỏ đáp ứng được và có tính bền vững hơn. Nhưng xét về tính độc lập không phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các chương trình và dự án, thì mô hình trồng Đoác để phát triển lan rộng hơn.

3.2.3. Hiệu quả bảo vệ sinh thái môi trường

Việc trồng Mây nước dưới tán rừng với diện tích trồng lớn góp phần tăng thêm độ che phủ của thực vật rừng. Về phát triển Bời lời đỏ, do không có điều kiện nghiên cứu nên chúng tôi dựa vào nghiên cứu của Bảo Huy và các cộng sự (2009) cho thấy: Chu kỳ kinh doanh Bời lời đỏ biến động từ 5 – 10 năm, thì lượng CO₂ hấp thụ trong mô hình nông lâm kết hợp biến động từ 25 – 84 tấn/ha, ứng với giá trị từ 9 – 30 triệu đồng/ha, đạt 20% tổng giá trị sản phẩm Bời lời đỏ và Sắn. Mặt khác do độ che phủ của Bời lời đỏ lớn tương tự so với các rừng trồng keo, nên khả năng hạn chế xói mòn đất, giữ nước tốt, đóng góp rất lớn trong bảo tồn đất đai. Đối với mô hình trồng Đoác: cây Đoác hoặc cây Đùng đình có cành lá lớn, nhiều tầng lá nên độ che phủ cao, hạn chế xói mòn rửa trôi đất rất tốt.

3.3. Những thuận lợi, khó khăn trong phát triển lâm sản ngoài gỗ

Từ việc phân tích SWOT về phát triển các mô hình LSNG cho thấy một số thuận lợi và khó khăn như sau:

Về thuận lợi: Diện tích đất sản xuất lớn, nguồn giống LSNG đa dạng, điều kiện tự nhiên phù hợp với việc gây trồng phát

triển các loài thực vật cho LSNG. Người dân có truyền thống về khai thác, bảo quản các loại lâm sản ngoài gỗ. Huyện A lưới có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển LSNG và có nhiều hợp phần hoặc chương trình, dự án về phát triển lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn.

Về khó khăn: Trình độ lao động trên địa bàn còn thấp, chưa có kinh nghiệm trong trồng và chăm sóc các loại cây lâm sản ngoài gỗ. Đầu ra sản phẩm chưa ổn định, nếu sản xuất theo hướng hàng hóa quy mô lớn sẽ có nguy cơ cung lớn hơn cầu.

- Đối với mô hình Mây nước: Phải trồng trên diện tích lớn nên nguồn giống khó khăn, người dân không thể tự túc kinh phí, Mây nước là loài cây có số năm từ lúc trồng đến thu hoạch dài mà không có sản phẩm phụ.

- Đối với mô hình trồng Bời lời đỏ: Nguồn giống trồng phải mua nơi xa, người dân không có vốn đầu tư nên trồng không bón phân, cây sinh trưởng không đồng đều. Tư thương thu mua sản phẩm thường hay ép giá.

- Đối với mô hình trồng Đoác: giá cây giống tính theo cây cảnh nên rất cao. Chưa có quy trình cụ thể cho việc trồng cây Đoác, mặt khác việc bảo quản rượu Đoác khó khăn, sản phẩm rất dễ hỏng.

3.4. Giải pháp phát triển bền vững lâm sản ngoài gỗ tại địa bàn nghiên cứu

3.4.1. Giải pháp chung

Tiến hành tổng kết kinh nghiệm, đồng thời phổ biến những kỹ thuật mới trong trồng, khai thác, chế biến cho các nông hộ phát triển LSNG; kêu gọi đầu tư, hỗ trợ phát triển LSNG, xây dựng chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm, đồng thời hỗ trợ người dân nắm bắt thông tin thị trường tiêu thụ sản phẩm.

3.4.2. Giải pháp cụ thể phát triển các mô hình LSNG

- Đối với mô hình Mây nước: Cần có chính sách hỗ trợ người dân từ lúc trồng, chăm sóc cây Mây nước; xây dựng nhiều cơ sở chế biến mây trên địa bàn để góp phần tạo nguồn đầu ra ổn định, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

- Đối với mô hình trồng Bời lời đỏ lấy vỏ: Nên kết hợp các loại cây trồng khác với Bời lời đỏ, để nâng cao tỷ lệ sống, cải thiện độ phì cũng như tăng giá trị kinh tế cho mô hình. Xây dựng các vườn ươm Bời lời đỏ để giảm giá thành cây giống.

- Đối với mô hình trồng Đoác lấy rượu: Nên có kế hoạch xây dựng các vườn ươm và quy hoạch cụ thể các xã có khả năng phát triển trồng Đoác, cần có quy trình cụ thể về trồng Đoác, đồng thời xây dựng thị trường đầu ra ổn định cho sản phẩm rượu Đoác.

- Về phát triển cây dược liệu: Có thể phát triển các mô hình trồng cây thuốc tại các hộ gia đình nhằm không chỉ bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì các bài thuốc dân gian mà còn có thêm nguồn thu nhập cho người dân.

4. KẾT LUẬN

1) Trên địa bàn có các chương trình, dự án đóng vai trò quan trọng trong phát triển LSNG, ngoài ra còn có các mô hình tự phát của người dân đã góp phần không nhỏ cho việc phát triển một số loài LSNG gỗ ở huyện A Lưới.

2) Các loại LSNG trồng trong các mô hình (Mây nước, Bời lời đỏ, Đoác) sinh trưởng và phát triển tốt, tăng thu nhập cho người dân, giải quyết việc làm, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng với nhu cầu của thị trường và đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn sinh thái môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học ở huyện A Lưới.

3) Huyện A Lưới cần xem xét, thực hiện các giải pháp đề xuất nhằm phát triển LSNG bền vững trên địa bàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bảo Huy. (5/2009). Ước lượng năng lực hấp thụ CO₂ của Bời lời đỏ (*Litsea glutinosa*) trong mô hình nông lâm kết hợp Bời lời đỏ - Sắn ở huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai - Tây Nguyên. *Mạng lưới Giáo dục Nông Lâm kết hợp Việt Nam (VNAFE)*.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2006). *Quyết định số 2366 QĐ/BNN-LN, ngày 17 tháng 8 năm 2006 về việc phê duyệt Đề án bảo tồn và phát triển lâm sản ngoài gỗ giai đoạn 2006 – 2020*. Khai thác từ <https://vanbanphapluat.co/quyet-dinh-2366qd-bnn-ln-de-an-bao-ton-phan-trien-lam-san-ngoai-go-2006-2020>

Cục lâm nghiệp. (2007). *Kỹ thuật trồng một số cây đặc sản rừng và cây lâm sản ngoài gỗ*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.

Phân tích SWOT là gì và ứng dụng SWOT như thế nào?. (17/02/2016). Khai thác từ <https://xuhuongtiethi.com/phan-tich-swot-la-gi-va-ung-dung-swot-nhu-the-nao-b33.php>

Lê Quang Vĩnh. (2013). *Giáo trình nông lâm kết hợp*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp Hà Nội.

Lê Quang Vĩnh, Hoàng Công Phúc. (2014). Đánh giá hiệu quả các mô hình lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí khoa học chuyên san nông nghiệp, sinh học và y dược - Đại học Huế*, (6), 251-264.

Lê Quang Vĩnh, Phạm Cường, Nguyễn Văn Vũ. (2016). Hiện trạng gây trồng và hiệu quả kinh tế các mô hình trồng bời lời đỏ (*Litsea glutinosa* (Lowr.) C.B.rob) ở huyện Mangyang, tỉnh Gia Lai. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, (24), 117 – 125.

Lê Quang Vĩnh, Hoàng Huy Tuấn, Hoàng Dương Xô Việt, Nguyễn Duy Phong, Lê Thị Phương Thảo. (2017). Đánh giá thực trạng khai thác và tiêu thụ lâm sản ngoài gỗ ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, (3), 184 – 191.

UBND huyện A Lưới. *Tự nhiên – Lịch sử - Truyền thống huyện A Lưới*. (15/01/2015). Khai thác từ <https://aluoi.thuathienhue.gov.vn/?gd=15&n=1&id=92&tc=2127>